

BỘ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI
TRƯỜNG-BỘ XÂY
DỰNG

Số:
01/2001/TTLT/BKHCNMT-
BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2001

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với việc lựa chọn địa điểm, xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định tại Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 05 năm 1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và của Bộ Xây dựng quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 04 tháng 03 năm 1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Để đáp ứng nhu cầu bức thiết trong tình hình hiện nay về vấn đề chôn lấp chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp, hạn chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với việc lựa chọn địa điểm, xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong lựa chọn địa điểm, xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn.

1.2. Các loại chất thải rắn không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này bao gồm: chất thải rắn thuộc danh mục chất thải nguy hại được quy định tại Quy chế quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày

16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ và những loại chất thải rắn nguy hại khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Quy chế quản lý chất thải nguy hại.

1.3. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan Quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng, và các Cơ quan quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là CQQLNNMT); các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài làm công tác dịch vụ môi trường, xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn (kể cả các bãi chôn lấp chất thải rắn do các cơ sở sản xuất tự quản lý).

2. Giải thích thuật ngữ:

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Bãi chôn lấp chất thải rắn (sau đây viết tắt là BCL): là một diện tích hoặc một khu đất đã được quy hoạch, được lựa chọn, thiết kế, xây dựng để chôn lấp chất thải rắn nhằm giảm tối đa các tác động tiêu cực của BCL tới môi trường.

BCL bao gồm các ô chôn lấp chất thải, vùng đệm và các công trình phụ trợ khác như trạm xử lý nước, khí thải, cung cấp điện, nước và văn phòng điều hành.

2.2. Chất thải rắn (sau đây viết tắt là CTR): là chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động ở các đô thị và khu công nghiệp, bao gồm chất thải khu dân cư, chất thải từ các hoạt động thương mại, dịch vụ đô thị, bệnh viện, chất thải công nghiệp, chất thải do hoạt động xây dựng.

2.3. Nước rác: là nước phát sinh do quá trình phân huỷ tự nhiên chất thải rắn, có chứa các chất gây ô nhiễm.

2.4. Khí thải từ ô chôn lấp chất thải: là hỗn hợp khí sinh ra từ ô chôn lấp chất thải do quá trình phân huỷ tự nhiên CTR.

2.5. Vùng đệm: là dải đất bao quanh BCL nhằm mục đích ngăn cách, giảm thiểu tác động xấu của BCL đến môi trường.

2.6. Lớp lót: là các lớp vật liệu được trải trên toàn bộ diện tích đáy và thành bao quanh ô chôn lấp chất thải nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu sự ngấm, thẩm thấu nước rác vào tầng nước ngầm.

2.7. Lớp che phủ: là lớp vật liệu phủ trên toàn bộ BCL trong khi vận hành và khi đóng BCL nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tác động từ ô chôn lấp tới môi trường xung quanh và từ bên ngoài vào ô chôn lấp CTR.

2.8. Hệ thống thu gom khí thải: là hệ thống các công trình, thiết bị thu gom khí thải sinh ra từ BCL nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí và nguy cơ gây cháy, nổ.

2.9. Hệ thống thu gom nước rác: là hệ thống các công trình bao gồm tầng thu gom, đường ống dẫn, mương dẫn để thu gom nước rác về hố tập trung hoặc tới trạm xử lý.

2.10. Hàng rào bảo vệ: là hệ thống tường, rào chắn, vành đai cây xanh hoặc vật cản có chiều cao nhất định bao quanh BCL nhằm hạn chế tác động từ các hoạt động chôn lấp CTR đến môi trường xung quanh.

2.11. Thời gian hoạt động của BCL: là toàn bộ khoảng thời gian từ khi bắt đầu chôn lấp CTR đến khi đóng BCL.

2.12. Đóng BCL: là việc ngừng hoàn toàn hoạt động chôn lấp CTR tại BCL.

2.13. Hệ thống thoát nước mặt và nước mưa là hệ thống thu gom nước mặt và nước mưa dẫn về nơi quy định nhằm ngăn ngừa nước mặt từ bên ngoài xâm nhập vào các ô chôn lấp.

2.14. Chủ đầu tư BCL: là tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân người nước ngoài chịu trách nhiệm quản lý vốn/cung cấp vốn đầu tư xây dựng BCL.

2.15. Chủ vận hành BCL: là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về quản lý khai thác và sử dụng BCL.

2.16. Tổ chức chuyên môn kiểm tra BCL: là tổ chức có tư cách pháp nhân thực hiện giám sát, kiểm định, lấy mẫu, phân tích các hạng mục và các chỉ tiêu liên quan tới hoạt động của BCL.

II. LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM, ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN

1. Nguyên tắc chung:

Công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, xây dựng BCL phải tuân theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng (gọi tắt là Nghị định 52/CP), Nghị định 12/CP ngày 5/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 52/CP (gọi tắt là Nghị định 12/CP), theo các quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư và xây dựng.

Khi phê duyệt dự án đầu tư BCL phải có phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo Phụ lục II, Thông tư 490/1998/TT-BKHCNMT ngày 29/4/1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư).

2. Yêu cầu lựa chọn địa điểm BCL

2.1. Địa điểm BCL phải được xác định căn cứ theo quy định xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Khoảng cách xây dựng từ BCL tới các điểm dân cư, khu đô thị được quy định trong Phụ lục 1 của Thông tư này.

2.3. Việc lựa chọn địa điểm phải căn cứ vào các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực dự kiến xây dựng BCL (quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này).

3. Lựa chọn các mô hình BCL

Tuỳ thuộc vào các đặc tính của từng loại chất thải được chôn lấp và đặc điểm địa hình từng khu vực, có thể lựa chọn các mô hình BCL sau: bãi chôn lấp khô, bãi chôn lấp ướt, bãi chôn lấp hỗn hợp khô-ướt, bãi chôn lấp nổi, bãi chôn lấp chìm, bãi chôn lấp kết hợp chìm nổi và bãi chôn lấp ở các khe núi (được quy định cụ thể tại Phụ lục số 3).

4. Quy mô diện tích BCL:

4.1. Quy mô diện tích BCL được xác định trên cơ sở:

a. Dân số và lượng chất thải hiện tại, tỷ lệ tăng dân số và tăng lượng chất thải trong suốt thời gian vận hành của BCL.

b. Khả năng tăng trưởng kinh tế và định hướng phát triển của đô thị.

4.2. Việc thiết kế BCL phải đảm bảo sao cho tổng chiều dày của bãi kể từ đáy đến đỉnh có thể từ 15 m đến 25 m, tùy thuộc vào loại hình BCL và điều kiện cảnh quan xung quanh BCL.

4.3. Tỷ lệ diện tích xây dựng các công trình phụ trợ: đường, đê kè, hệ thống thoát nước, dẫn nước, nhà kho, sân bãi, xưởng, hồ lắng nước rác, hồ xử lý nước, hệ thống hàng rào cây xanh và các công trình phụ trợ khác trong BCL chiếm khoảng 20% tổng diện tích bãi.

Căn cứ vào các đặc điểm trên xác lập quy mô các BCL theo Bảng 2 tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này.

5. Quy trình lựa chọn BCL.

Việc lựa chọn địa điểm BCL được thực hiện theo 4 bước sau:

- Bước 1: Thu thập các tài liệu liên quan đến yêu cầu của BCL, khối lượng chất thải cần chôn lấp và dự kiến trong tương lai. Quy định về mức độ điều tra khi lập dự án xây dựng BCL được quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

- Bước 2: Xác định phương án các địa điểm có khả năng để xây dựng BCL. Các vị trí này có thể được xem xét và đề xuất trên cơ sở nghiên cứu phân tích các bản đồ địa hình, địa chất, địa chất thủy văn, bản đồ hiện trạng sử dụng đất đã có, hiện trạng phân bố dân cư. Tổ chức các chuyến khảo sát thực địa.

- Bước 3: So sánh và lựa chọn phương án với các chỉ tiêu của BCL và loại bỏ bớt một số địa điểm dự định. Lựa chọn chính thức, trong bước này so sánh đánh giá chi tiết các địa điểm còn lại trên cơ sở phân tích đánh giá dựa theo các chỉ tiêu: kỹ thuật, kinh tế và xã hội, lựa chọn tối ưu, áp dụng các phương pháp chập bản đồ, tính điểm các chỉ tiêu. Để thực hiện được bước này cần phải có đầy đủ các tài liệu điều tra hiện trạng môi trường, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tất cả các địa điểm dự định. Từ đó, cho điểm từng yếu tố đối với từng địa điểm và lựa chọn địa điểm thích hợp nhất.

- Bước 4: Sơ phác, mô phỏng phương án địa điểm lựa chọn

Về các công trình xây dựng cơ bản của BCL được quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này.